

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế đợt 6 (lần 2) năm 2026 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (gồm 05 phần/lô, 82 mặt hàng) thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 - 2028 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I- Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An - Km 456, Quốc lộ 1A, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An.

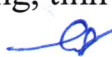
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Hoàng Võ Phương Anh

Chức vụ: Nhân viên phòng Hóa chất - VTYT

SĐT: 0888.921.200

Địa chỉ: Phòng Hóa chất-Vật tư y tế, Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, Km456, Quốc lộ 1A, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An.



Email: dauthauvtyt.ubna@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Hình thức tiếp nhận báo giá: Nhận báo giá trên hệ thống.

(qua website <https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

Các đơn vị đính kèm file mềm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:

+ Bảng cung cấp thông tin hàng hóa báo giá định dạng .pdf và file mềm định dạng .xlsx (Theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo).

+ Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá đến trước ngày 05/10/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

II- Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế yêu cầu báo giá (gọi chung là hàng hóa).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Các báo giá của các mặt hàng trong cùng một phần/lô chỉ được xem xét khi tất cả các mặt hàng báo giá đều đạt tất cả các yêu cầu mời báo giá.

Các báo giá của các mặt hàng trong cùng một phần/lô không được xem xét trong trường hợp có bất kỳ một mặt hàng báo giá không đạt yêu cầu mời báo giá.

2. Yêu cầu về đơn vị báo giá:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá, đảm bảo giá chào phù hợp với giá cung ứng cho các đơn vị khác trong khu vực.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: Phòng Hóa chất – VTYT





– Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (Đ/c: Km 456 – Quốc lộ 1A – Phường Vinh Hưng – Nghệ An).

4. Thời gian giao hàng dự kiến: cung cấp hàng hoá trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo dự trù của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng.

5. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Các đơn vị cung cấp báo giá theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo.

Trân trọng!. *HN R*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc BV (để b/c);
- Phó Giám đốc BV;
- Tổ tham mưu tổng hợp;
- Lưu: VT, P.HC-VTTYT

vt

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Trí Diễm

Phụ lục I

DANH MỤC, YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ YÊU CẦU KHÁC GÓI THẦU CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ ĐỢT 6 (LẦN 2) NĂM 2026 TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỞU NGHỆ AN (GỒM 05 PHẦN/LÔ, 82 MẶT HÀNG)

(Ban hành kèm theo Yêu cầu báo giá số 2810/BVUB-HCVT ngày 23 / 9 /2026)

I. Danh mục, yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật:

STT phần/lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
1		H603	Hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế dùng cho hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động (HMMD 3)		x						
	1	H603.01	Bộ đầy đủ các hóa chất để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Hóa mô miễn dịch (HMMD 3)	Bộ đầy đủ các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Hóa mô miễn dịch bao gồm: + Bộ kit nhuộm hóa mô miễn dịch: Dùng để nhuộm và hiển thị invitro các kháng nguyên đặc hiệu trong các lát mô cố định bằng formalin và đúc trong paraffin (FFPE), được sử dụng trong các quy trình hóa mô miễn dịch tự động và thủ công. + Dung dịch rửa nền + Dung dịch phủ bảo vệ (hoặc công nghệ tương đương) + Dung dịch bọc lộ kháng nguyên + Dung dịch tăng cường độ đậm màu nhuộm DAB + Dung dịch nhuộm hematoxylin (dùng cho hóa mô miễn dịch) + Dung dịch rửa tiêu bản + Dung dịch làm sạch máy + Mực in và các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khác (trừ kháng thể, nhãn in, lam kính) để hoàn thiện 1 lần xét nghiệm hóa mô miễn dịch.	x		Test	3.375	945	4.320	
	2	H603.02	Nhãn in mã vạch (HMMD 3)	Nhãn in mã vạch dùng cho máy hóa mô miễn dịch.	x		Cái	4.000	1.000	5.000	
	3	H603.03	Lam kính hóa mô miễn dịch (HMMD 3)	Lam kính bề mặt tích điện dương. Kích thước : (≥) 25 mm x (≥) 75mm x (≥) 1 mm.	x		Cái	3.500	1.000	4.500	
	4	H603.04	Kit kháng thể NSE (HMMD 3)	Kháng thể NSE ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	48	-	48	
	5	H603.05	Kit kháng thể S100	Kháng thể S100 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	6	H603.06	Kit kháng thể CD117 (HMMD 3)	Kháng thể CD117 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	96	-	96	
	7	H603.07	Kit kháng thể CK7 (HMMD 3)	Kháng thể Keratin 7 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	448	112	560	

STT phần/lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
	8	H603.08	Kít kháng thể AE1/AE3 (HMMD 3)	Kháng thể Keratin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	392	112	504	
	9	H603.09	Kít kháng thể KI67 (HMMD 3)	Kháng thể Ki67 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	336	96	432	
	10	H603.10	Kít kháng thể TTF1 (HMMD 3)	Kháng thể TTF-1 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	11	H603.11	Kít kháng thể Estrogen Receptor (HMMD 3)	Kháng thể Estrogen Receptor ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	12	H603.12	Kít kháng thể Progesteron Receptor (HMMD 3)	Kháng thể Progesteron Receptor ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	13	H603.13	Kít kháng thể HER2 (HMMD 3)	Kháng thể C-erbB2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	384	96	480	
	14	H603.14	Kít kháng thể CK20 (HMMD 3)	Kháng thể Keratin 20 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	15	H603.15	Kít kháng thể CD10	Kháng thể CD10 ở dạng pha loãng trong dung dịch đệm chứa protein ổn định.	x		Test	48	-	48	
	16	H603.16	Kít kháng thể CD20 (HMMD 3)	Kháng thể CD20 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	17	H603.17	Kít kháng thể CD34 (HMMD 3)	Kháng thể CD34 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	240	48	288	
	18	H603.18	Kít kháng thể CK5/6 (HMMD 3)	Kháng thể Cytokeratin 5/6 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	240	48	288	
	19	H603.19	Kít kháng thể NAPSIN (HMMD 3)	Kháng thể Napsin A ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	392	112	504	
	20	H603.20	Kít kháng thể P40 (HMMD 3)	Kháng thể p40 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	21	H603.21	Kít kháng thể CD68	Kháng thể CD68 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	22	H603.22	Kít kháng thể CDX2 (HMMD 3)	Kháng thể CDX-2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	23	H603.23	Kít kháng thể MLH1	Kháng thể MLH1 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	56	-	56	
	24	H603.24	Kít kháng thể SATB2	Kháng thể đơn dòng thỏ SATB2 (Protein liên kết DNA SATB2) dạng pha sẵn ở dạng lỏng trong dung dịch có chứa protein ổn định.	x		Test	56	-	56	
	25	H603.25	Kít kháng thể CALRETININ	Kháng thể đơn dòng kháng Calretinin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	192	48	240	

STT phần/ lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
2		H604	Hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế dùng cho hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động (HMMD 4)		x						
	26	H604.01	Bộ đầy đủ các hóa chất để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Hóa mô miễn dịch (HMMD 4)	Bộ đầy đủ các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Hóa mô miễn dịch bao gồm: + Bộ kit nhuộm hóa mô miễn dịch: Dung để nhuộm và hiển thị invitro các kháng nguyên đặc hiệu trong các lát mô cố định bằng formalin và đúc trong paraffin (FFPE), được sử dụng trong các quy trình hóa mô miễn dịch tự động và thủ công. + Dung dịch rửa nền + Dung dịch phủ bảo vệ (hoặc công nghệ tương đương) + Dung dịch bộc lộ kháng nguyên + Dung dịch tăng cường độ đậm màu nhuộm DAB + Dung dịch nhuộm hematoxylin (dùng cho hóa mô miễn dịch) + Dung dịch rửa tiêu bản + Dung dịch làm sạch máy + Mực in và các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khác (trừ kháng thể, nhãn in, lam kính) để hoàn thiện 1 lần xét nghiệm hóa mô miễn dịch.	x		Test	3.375	945	4.320	
	27	H604.02	Nhãn in mã vạch (HMMD 4)	Nhãn in mã vạch dùng cho máy hóa mô miễn dịch.	x		Cái	3.000	-	3.000	
	28	H604.03	Lam kính hóa mô miễn dịch (HMMD 4)	Lam kính bề mặt tích điện dương. Kích thước : ($\geq$) 25 mm x ($\geq$) 75mm x ($\geq$) 1 mm.	x		Cái	3.500	1.000	4.500	
	29	H604.04	Kit kháng thể NSE	Kháng thể NSE ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	96	-	96	
	30	H604.05	Kit kháng thể CD117	Kháng thể CD117 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	48	-	48	
	31	H604.06	Kit kháng thể CK7 (HMMD 4)	Kháng thể Keratin 7 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	448	112	560	
	32	H604.07	Kit kháng thể AE1/AE3 (HMMD 4)	Kháng thể Keratin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	392	112	504	
	33	H604.08	Kit kháng thể Ki67 (HMMD 4)	Kháng thể Ki67 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	336	96	432	
	34	H604.09	Kit kháng thể TTF1 (HMMD 4)	Kháng thể TTF-1 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	

STT phần/ lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
	35	H604.10	Kít kháng thể Estrogen Receptor (HMMD 4)	Kháng thể Estrogen Receptor ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	36	H604.11	Kít kháng thể Progesteron Receptor (HMMD 4)	Kháng thể Progesteron Receptor ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	37	H604.12	Kít kháng thể HER2 (HMMD 4)	Kháng thể C-erbB2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	384	96	480	
	38	H604.13	Kít kháng thể CK20 (HMMD 4)	Kháng thể Keratin 20 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	39	H604.14	Kít kháng thể CD3	Kháng thể CD3 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	96	-	96	
	40	H604.15	Kít kháng thể GLYPICAN (HMMD 4)	Kháng thể Glypican 3 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	96	-	96	
	41	H604.16	Kít kháng thể CD20 (HMMD 4)	Kháng thể CD20 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	42	H604.17	Kít kháng thể CD34 (HMMD 4)	Kháng thể CD34 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	240	48	288	
	43	H604.18	Kít kháng thể Synaptophysin	Kháng thể Synaptophysin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	224	56	280	
	44	H604.19	Kít kháng thể CK5/6 (HMMD 4)	Kháng thể Cytokeratin 5/6 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	240	48	288	
	45	H604.20	Kít kháng thể NAPSIN	Kháng thể Napsin A ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	392	112	504	
	46	H604.21	Kít kháng thể BCL6	Kháng thể BCL-6 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	48	-	48	
	47	H604.22	Kít kháng thể P40 (HMMD 4)	Kháng thể p40 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	48	H604.23	Kít kháng thể P16	Kháng thể p16 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	49	H604.24	Kít kháng thể GATA3	Kháng thể GATA-3 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	50	H604.25	Kít kháng thể PAX-5 (HMMD 4)	Kháng thể PAX-5 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	48	-	48	
	51	H604.26	Kít kháng thể CD56 (HMMD 4)	Kháng thể CD56 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm có chứa protein ổn định và chất bảo quản.	x		Test	224	56	280	
	52	H604.27	Kít kháng thể PMS2	Kháng thể PMS2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm chứa protein ổn định và chất bảo quản.	x		Test	48	-	48	

STT phần/ lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
	53	H604.28	Kít kháng thể MSH6	Kháng thể MSH6 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	48	-	48	
	54	H604.29	Kít kháng thể CK19	Kháng thể CK19 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
5		H605	Hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế dùng cho hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động (HMMD 5)		x						
	55	H605.01	Bộ đầy đủ các hóa chất để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Hóa mô miễn dịch (HMMD 5)	Bộ đầy đủ các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Hóa mô miễn dịch bao gồm: + Bộ kit nhuộm hóa mô miễn dịch: Dùng để nhuộm và hiển thị invitro các kháng nguyên đặc hiệu trong các lát mô cố định bằng formalin và đúc trong paraffin (FFPE), được sử dụng trong các quy trình hóa mô miễn dịch tự động và thủ công. + Dung dịch rửa nền + Dung dịch phủ bảo vệ (hoặc công nghệ tương đương) + Dung dịch bọc lộ kháng nguyên + Dung dịch tăng cường độ đậm màu nhuộm DAB + Dung dịch nhuộm hematoxylin (dùng cho hóa mô miễn dịch) + Dung dịch rửa tiêu bản + Dung dịch làm sạch máy + Mực in và các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khác (trừ kháng thể, nhãn in, lam kính) để hoàn thiện 1 lần xét nghiệm hóa mô miễn dịch.	x		Test	2.700	810	3.510	
	56	H605.26	Nhãn in mã vạch (HMMD 5)	Nhãn in mã vạch dùng cho máy hóa mô miễn dịch.	x		Cái	3.000	900	3.900	
	57	H605.27	Lam kính hóa mô miễn dịch (HMMD 5)	Lam kính bề mặt tích điện dương. Kích thước : (≥) 25 mm x (≥) 75mm x (≥) 1 mm.	x		Cái	3.500	1.000	4.500	
	58	H605.03	Kít kháng thể S100 (HMMD 5)	Kháng thể S100 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	59	H605.04	Kít kháng thể CK7 (HMMD 5)	Kháng thể Keratin 7 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	448	112	560	
	60	H605.05	Kít kháng thể AE1/AE3 (HMMD 5)	Kháng thể Keratin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	392	112	504	
	61	H605.06	Kít kháng thể Ki67 (HMMD 5)	Kháng thể Ki67 và ở dạng pha sẵn trong dung dịch đệm và chất bảo quản.	x		Test	336	96	432	






STT phần/ lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
	62	H605.07	Kít kháng thể TTF1 (HMMD 5)	Kháng thể TTF-1 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	63	H605.08	Kít kháng thể Estrogen Receptor (HMMD 5)	Kháng thể Estrogen Receptor ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	64	H605.09	Kít kháng thể Progesteron Receptor (HMMD 5)	Kháng thể Progesteron Receptor ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	288	48	336	
	65	H605.10	Kít kháng thể HER2 (HMMD 5)	Kháng thể C-erbB2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	384	96	480	
	66	H605.11	Kít kháng thể CK20 (HMMD 5)	Kháng thể Keratin 20 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	67	H605.12	Kít kháng thể GLYPICAN (HMMD 5)	Kháng thể Glypican 3 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	144	-	144	
	68	H605.13	Kít kháng thể CD5	Kháng thể CD5 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	69	H605.14	Kít kháng thể CD34 (HMMD 5)	Kháng thể CD34 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	192	48	240	
	70	H605.15	Kít kháng thể CK5/6 (HMMD 5)	Kháng thể Cytokeratin 5/6 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	240	48	288	
	71	H605.16	Kít kháng thể P63	Kháng thể p63 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	72	H605.17	Kít kháng thể NAPSIN (HMMD 5)	Kháng thể Napsin A ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	392	112	504	
	73	H605.18	Kít kháng thể P40 (HMMD 5)	Kháng thể p40 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	74	H605.19	Kít kháng thể Mammaglobin	Hỗn hợp kháng thể Mammaglobin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	75	H605.20	Kít kháng thể CDX2 (HMMD 5)	Kháng thể CDX-2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	76	H605.21	Kít kháng thể HEPA1	Kháng thể Hep Par 1 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	77	H605.22	Kít kháng thể Thyroglobulin	Kháng thể Thyroglobulin ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	78	H605.23	Kít kháng thể MSH2	Kháng thể MSH2 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	112	-	112	
	79	H605.24	Kít kháng thể GATA3 (HMMD 5)	Kháng thể GATA-3 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	
	80	H605.25	Kít kháng thể CD56 (HMMD 5)	Kháng thể CD56 ở dạng pha sẵn trong dung dịch đậm có chứa protein ổn định và chất bảo quản.	x		Test	168	-	168	

STT phần/lô	STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu cung cấp thiết bị y tế sử dụng hàng hóa trúng thầu (nếu có)	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)	ĐVT	Số lượng đấu thầu		Tổng số lượng (số lượng mua sắm + tùy chọn mua thêm)	Ghi chú
								Số lượng mua sắm	Số lượng tùy chọn mua thêm		
4	81	Y601	Lưu lượng kế oxy	Gắn tường, có bình tạo ẩm.			Bộ	150	45	195	
5	82	Y602	Đồng hồ oxy (van oxy)	Bộ gồm: van giảm áp và bình tạo ẩm			Bộ	80	24	104	
Tổng cộng: 05 phần/lô, 82 mặt hàng											

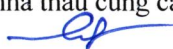
Lưu ý:

Yêu cầu thông số kỹ thuật trên đây chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các nhà cung cấp hàng hóa, các nhà cung cấp có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Nhà cung cấp hàng hóa có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu để chứng minh thông số kỹ thuật hàng hóa báo giá là tương đương hoặc tốt hơn.

- + Chứng nhận tiêu chuẩn: Tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.
- + Vật liệu, thành phần: Tương đương về tính chất; thuộc tính, công năng.
- + Hàm lượng, nồng độ, tính chất: Tương đương về công năng sử dụng.

II. Các yêu cầu khác

Hiện tại, Bệnh viện chưa có thiết bị y tế để các sử dụng mặt hàng trên, yêu cầu nhà thầu cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hàng hóa trúng thầu theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 55 Luật Đấu thầu.




Phụ lục II**MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN HÀNG HÓA BÁO GIÁ**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /BVUB-HCVT ngày / /2026 của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An)

BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN HÀNG HÓA BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Nghệ An

1. Thông tin hàng hóa báo giá:

STT phần/ lô	STT mặt hàng	Tên phần/lô (Mã hàng hóa)	Mã nhóm VTYT theo Thông tư 04/2017/TT-BYT	Tên hàng hóa mời báo giá	Tên thương mại mặt hàng báo giá	Đặc tính kỹ thuật mặt hàng báo giá	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Model/ ký mã hiệu sản phẩm	Quy cách	Thuế VAT (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
n											
Tổng cộng: mặt hàng											

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh mặt hàng báo giá đáp ứng tên hàng hóa, yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật mời báo giá (ví dụ: catalog sản phẩm...)

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá, đảm bảo giá chào phù hợp với giá cung ứng cho các đơn vị khác trong khu vực.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.




3. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá:

- Đơn vị báo giá:.....[ghi tên của đơn vị báo giá];
- Địa chỉ:[ghi địa chỉ của đơn vị báo giá];
- SĐT:[ghi số liên lạc của đơn vị báo giá].

....., ngày tháng năm 202...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1), (2), (3), (5): Đơn vị báo giá ghi đúng thông tin tại phụ lục I.
- (4) Đơn vị báo giá điền chính xác đầy đủ thông tin: kê khai mã nhóm VTYT theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ Y tế.
- (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Đơn vị báo giá ghi đúng thông tin của mặt hàng báo giá.

W R H H